TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 97/2019/QĐST-HNGĐ	*ĐH, ngày 05 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 129/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị Đ, sinh năm 1994.

HKTT: Xóm MS, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Triệu Sinh H, sinh năm 1989

HKTT: Xóm MS, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị Đ và anh Triệu Sinh H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Đ và anh Triệu Sinh H nhất trí thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất anh Triệu Sinh H sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, cháu lớn Triệu

Thị L, sinh ngày 09/9/2012 và cháu nhỏ Triệu Kim N, sinh ngày 17/10/2014 cho tới khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Chị Triệu Thị Đ tự nguyện đóng góp 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) một tháng, cụ thể đóng góp cho cháu Triệu Thị L là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)/tháng và đóng góp cho cháu Triệu Kim N là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)/tháng cùng với anh Triệu Sinh H để nuôi hai cháu, cháu lớn Triệu Thị L, sinh ngày 09/9/2012 và cháu nhỏ Triệu Kim Nt, sinh ngày 17/10/2014 cho tới khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Thời gian chị Triệu Thị Đ thực hiện việc cấp dưỡng tiền nuôi con từ tháng 7 năm 2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chị Triệu Thị Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có nợ chung

+ Án phí: Chị Triệu Thị Đ tự nguyện nhận nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Triệu Thị Đ phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Số tiền chị Đ phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Triệu Thị Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH theo biên lai thu số 0016357 ngày 20/6/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- UBND xã HT, huyện ĐH;
- Lưu hồ sơ vụ án, bộ phận HNGĐ;

THẨM PHÁN